

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 120/2022/DS-ST

Ngày: 06-12-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định định đưa vụ án ra xét xử số 140/2022/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các Đ sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 5, xã V, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm 1, xã N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (theo văn bản ủy quyền ngày 06-7-2022).

Bị đơn: Vợ chồng anh Lã Thanh L, sinh năm 1972 và chị Vũ Thị C, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm Trung Tự, xã P, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt anh T, chị C; vắng mặt anh Đ và anh L);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04-7-2022 của nguyên đơn anh Phạm Văn Đ, bản tự khai ngày 06-10-2022, quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - anh Đỗ Văn T trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên ngày 20-3-2020, chị Vũ Thị C đặt vấn đề hỏi anh Phạm Văn Đ cho vợ chồng chị C, anh L vay số tiền 1.800.000.000đ để làm ăn. Nể tình chỗ anh em quen biết, anh Đ đã đi vay tiền của người khác để cho vợ chồng anh L, chị C vay lại số tiền 1.800.000.000đ. Ngày 23-3-2020, anh Đ đã giao tiền cho vợ chồng anh L, chị C nhận đầy đủ số tiền 1.800.000.000đ tại nhà anh Đ. Sau đó, cùng ngày 23-3-2020, hai bên đến

Văn phòng Công chứng số 01 huyện Hải Hậu để lập hợp đồng cho vay tiền, số tiền cho vay 1.800.000.000đ, anh L, chị C đã ký và điểm chỉ bên cho vay. Hai bên thỏa thuận trong hợp đồng thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất không vượt quá 1,5 lần mức lãi suất cho vay của Ngân hàng nhà nước và có thống nhất miệng với nhau là lãi suất 1,5%/tháng, không ghi cụ thể trong hợp đồng. Vợ chồng chị C, anh L tự nguyện đưa cho anh Đ giữ 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BV658009 ngày 09-9-2014 mang tên ông Lã Thanh L, bà Vũ Thị C để làm tin. Quá trình vay tiền, vợ chồng anh L, chị C đã trả lãi cho anh Đ được hai tháng đầu tiên: ngày 23-4-2020 trả 27.000.000đ và ngày 23-5-2020 trả 27.000.000đ tiền lãi. Đến ngày 23-6-2020 là hạn phải trả gốc và lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng anh L, chị C không thực hiện. Anh Đ đã liên hệ đòi nợ nhiều lần thì anh L, chị C khất lần không trả. Đầu năm 2021, do cần tiền nên anh Đ đã thúc giục đòi nợ vợ chồng anh L, chị C nhiều lần thì đến ngày 19-8-2021, anh L, chị C có trả tiếp tiền lãi cho anh Đ là 300.000.000đ và khoảng cuối tháng 11/2021 trả thêm 100.000.000đ tiền lãi nữa. Như vậy, từ khi vay đến nay vợ chồng anh L, chị C đã trả cho anh Đ 454.000.000đ tiền lãi, chưa trả khoản nợ gốc nào.

Nay anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng anh L, chị C phải trả cho anh Đ số tiền nợ gốc là 1.800.000.000đ, về lãi suất trước đây hai bên thỏa thuận mức 1,5%/tháng nhưng đến nay anh Đ đề nghị lãi suất là 1%/tháng tính từ ngày 01-12-2021 đến ngày Tòa xét xử. Khi nào anh L, chị C trả xong nợ gốc và lãi thì anh Đ có trách nhiệm trả lại cho anh L, chị C 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri BV658009 ngày 09-9-2014 mang tên ông Lã Thanh L và bà Vũ Thị C.

Tại bản tự khai ngày 10-10-2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Vũ Thị C trình bày: Vợ chồng chị C, anh L công nhận đã vay của anh Phạm Văn Đ số tiền nợ gốc là 1.800.000.000đồng như hợp đồng cho vay tiền ngày 23-3-2020 anh Đ đã nộp cho Tòa án là đúng, lãi theo thỏa thuận nhưng không vượt quá 1,5 lần mức lãi suất Ngân hàng nhà nước. Vợ chồng chị C, anh L đã trả được số tiền lãi 4 lần: 2 lần trả mỗi lần là 27.000.000đ, một lần trả 300.000.000đ và một lần trả 100.000.000đ, tổng lãi vợ chồng chị C, anh L đã trả cho anh Đ là 454.000.000đ, tiền gốc chưa trả. Do hiện nay vợ chồng chị C, anh L làm ăn thua lỗ mà trước đó cũng đã trả cho anh Đ được khoản lãi nhiều rồi nên chị C đề nghị anh Đ không tính lãi nữa và xin được trả dần số tiền gốc 1.800.000.000đ cho anh Đ. Đại diện theo ủy quyền của anh Đ là anh T không nhất trí cho lãi mà yêu cầu tính mức lãi là 1%/tháng tính từ ngày 01-12-2021 đến nay, chị C cũng nhất trí chấp nhận. Nay anh Đ khởi kiện đòi nợ vợ chồng chị C, anh L, ý kiến của chị C nhất trí là vợ chồng chị C nhận trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền nợ gốc 1.800.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày 01-12-2021 cho đến nay. Đề nghị anh Đ phải trả lại cho vợ chồng chị C 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng chị C, anh L.

Quá trình giải quyết vụ án, đồng bị đơn anh Lã Thanh L đã được tổng đạt các văn bản hợp lệ, chị C là vợ anh L cũng cam đoan nhận trách nhiệm thông báo cho anh L, anh L đã biết được việc anh Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh

phải có trách nhiệm trả nợ cho anh Đ nhưng không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến lời khai nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị C trình bày số tiền lãi đã trả cho anh Đ không phải 454.000.000đ mà chỉ có 400.000.000đ nhưng chị C cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho Tòa án. Tuy nhiên, chị C vẫn nhận trách nhiệm vợ chồng chị và anh L sẽ trả cho anh Đ số tiền nợ gốc 1.800.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày 01-12-2021 cho đến nay nhưng do kinh tế khó khăn nên vợ chồng chị chưa thể trả ngay cho anh Đ được mà đề nghị được trả dần. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - Anh Đỗ Văn T giữ nguyên ý kiến như đã trình bày và không nhất trí việc xin trả nợ dần của chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn Đ vắng mặt đã ủy quyền cho anh Đỗ Văn T. Anh L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, anh L là phù hợp với khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét hợp đồng vay tài sản giữa anh Phạm Văn Đ và vợ chồng anh Lã Thanh L, chị Vũ Thị C lập ngày 23-3-2020 và lời khai của các bên Đ sự trong quá trình giải quyết vụ án, có đủ cơ sở xác định ngày 23-3-2020, vợ chồng anh L, chị C có vay số tiền 1.800.000.000đ của anh Đ là sự việc có thật và phù hợp pháp luật. Việc vay nợ giữa vợ chồng anh L, chị C và anh Đ được chứng minh bằng hợp đồng cho vay tiền ngày 23-3-2020, được công chứng tại Văn phòng Công chứng số 1 huyện Hải Hậu, vợ chồng anh L, chị C đã ký họ tên và điểm chỉ phân bên người vay. Quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, chị C đều công nhận vợ chồng chị và anh L đã vay của anh Đ số tiền nợ gốc là 1.800.000.000đ như hợp đồng cho vay tiền ngày 23-3-2020 anh Đ đã nộp cho Tòa án là đúng. Vợ chồng chị đã được nhận tổng số tiền 1.800.000.000đ từ anh Đ. Chị C và anh T đã thống nhất được khoản nợ gốc và lãi, Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành ghi nhận sự thỏa thuận của các bên. Tuy nhiên, do anh L không có ý kiến về việc anh T, chị C đã hòa giải thành tại Tòa án nên vụ án được đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, chị C nhất trí yêu cầu đòi nợ của anh Đ, vợ chồng chị nhận trách nhiệm trả cho anh Đ số tiền nợ gốc 1.800.000.000đ và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày 01-12-2021 cho đến nay nhưng do kinh tế khó khăn nên chưa thể trả ngay cho anh Đ được mà đề nghị được trả dần. Anh T đại diện cho nguyên đơn không nhất trí phương thức đề nghị trả nợ dần của vợ chồng anh L, chị C, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản, như vậy anh L đã biết được quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của

pháp luật nhưng anh vẫn không có mặt và không có ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của anh Đ, chứng tỏ anh L cũng chấp nhận với các yêu cầu của anh Đ.

Do đó, yêu cầu của anh Đ đề nghị vợ chồng anh L, chị C trả cho anh Đ số tiền nợ gốc 1.800.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] *Về lãi suất*: Quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị C đều trình bày thống nhất lãi suất hai bên thỏa thuận theo hợp đồng cho vay là không quá 1,5 lần mức lãi suất ngân hàng. Anh T trình bày hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 1,5%/tháng, vợ chồng anh L, chị C đã trả lãi cho anh Đ tính từ ngày 23-3-2020 đến cuối tháng 11-2021 với tổng tiền lãi là 454.000.000đ, chị C công nhận là đúng. Xét mức lãi suất các bên đã thỏa thuận và thanh toán cho nhau như trên không vi phạm quy định của pháp luật về lãi suất, mặt khác, các Đ sự trong vụ án không yêu cầu tính lại lãi đối với phần lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tính lại lãi.

Nay anh T yêu cầu vợ chồng anh L, chị C phải trả lãi suất của khoản vay 1.800.000.000đ cho anh Đ với mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 01-12-2021 đến ngày Tòa án xét xử, quá trình giải quyết vụ án chị C nhất trí với yêu cầu tính lãi của anh T. Xét yêu cầu tính lãi suất như trên của anh T là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

Tính lãi: Từ ngày 01-12-2021 đến ngày 06-12-2022 là 12 tháng 5 ngày, số tiền vay gốc 1.800.000.000đ:

$$1.800.000.000đ \times [(12 \text{ tháng} + 5 \text{ ngày}) \times 1\%/\text{tháng}] = 219.000.000đ$$

Vì vậy, cần buộc vợ chồng anh Lã Thanh L, chị Vũ Thị C phải trả cho anh Phạm Văn Đ số tiền nợ gốc 1.800.000.000đ và lãi 219.000.000đ, tổng gốc và lãi là 2.019.000.000đ là phù hợp với các Điều 166; 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng anh Lã Thanh L, chị Vũ Thị C tự nguyện giao cho anh Phạm Văn Đ để làm tin và bảo đảm khoản vay nên cần buộc anh Đ phải trả lại cho vợ chồng anh L, chị C 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp số seri BV658009 ngày 09-9-2014 mang tên ông Lã Thanh L, bà Vũ Thị C sau khi anh L, chị C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho anh Đ là phù hợp.

[5] *Về án phí*: Buộc vợ chồng anh Lã Thanh L, chị Vũ Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Phạm Văn Đ theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các Đ sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166; 357, 463; 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn Đ kiện đòi nợ đối với vợ chồng anh Lã Thanh L, chị Vũ Thị C số tiền nợ gốc 1.800.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01-12-2021 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 1%/tháng là hợp pháp.

2. Buộc vợ chồng anh Lã Thanh L, chị Vũ Thị C phải có trách nhiệm trả nợ cho anh Phạm Văn Đ số tiền 2.019.000.000đ (hai tỷ không trăm mười chín triệu đồng), trong đó: nợ gốc 1.800.000.000đ (một tỷ tám trăm triệu đồng) và nợ lãi 219.000.000đ (hai trăm mười chín triệu đồng).

3. Anh Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng anh Lã Thanh L, chị Vũ Thị C 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu cấp số seri BV658009 ngày 09-9-2014 mang tên ông Lã Thanh L, bà Vũ Thị C sau khi anh L, chị C thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho anh Đ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng anh Lã Thanh L, chị Vũ Thị C phải nộp 72.380.000đ (bảy mươi hai triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho anh Phạm Văn Đ số tiền 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) đã nộp tại biên lai số 0006295 ngày 06-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

5. Nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn-chị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn-anh Lã Thanh L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đ sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thúy Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hóa Lưu Văn Đê

Phạm Thúy Nga